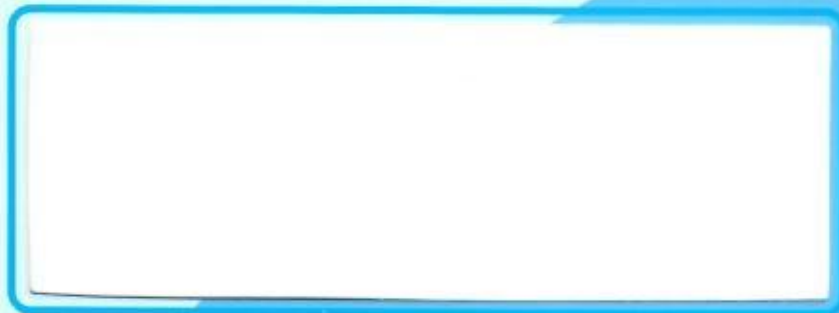




CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal





**CÔNG TY CỔ PHẦN
MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/08/2022 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 113/GCN-SGDHN ngày 17/12/2010 với mã chứng khoán là ADC. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là ngày 24/12/2010.

Vốn điều lệ: 39.779.360.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2022: 39.779.360.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 024.35122163
- Fax: (84) 024.35121385
- Website: www.adc.net.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trang web; Dịch vụ thiết kế nội thất, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giày dép, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu); Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức hội chợ triển lãm, trưng bày giới thiệu sản phẩm thương mại;
- In ấn. Chi tiết: Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy – học; Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ cho ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lịch, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu); Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các nguyên liệu, vật tư và các sản phẩm in ấn, chế bản, mỹ thuật và truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: Hoạt động sản xuất các chương trình truyền hình và các chương trình quảng cáo (không hoạt động sản xuất phim ảnh);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến thời điểm cuối kỳ kế toán là 363 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 5 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Lê Hoàng Hải | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2018 |
| • Ông Đinh Gia Lê | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 |
| • Ông Phạm Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2018 |
| • Bà Mai Nhị Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 |
| • Bà Nguyễn Bích La | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/04/2018 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hồng | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 27/03/2019 |
| • Bà Trần Thị Thu Hương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 |
| • Ông Nguyễn Văn Quyết | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2018 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Phạm Văn Thắng	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 12/06/2022
• Bà Nguyễn Bích La	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 01/06/2021
• Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/05/2019
• Ông Nguyễn Huy Hoàng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 10/05/2022
• Ông Nguyễn Phong Yên	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 12/09/2019
		Miễn nhiệm ngày 10/05/2022

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 800/2022/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 10/08/2022 của Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.200.803.073	112.733.161.889
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.702.561.223	18.733.832.710
1. Tiền	111	5	5.335.386.923	2.757.927.769
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	5.367.174.300	15.975.904.941
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.893.055.568	10.828.887.537
1. Chứng khoán kinh doanh	121	7.a	750.000.000	750.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7.b	7.143.055.568	10.078.887.537
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.376.180.071	42.377.488.656
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	24.812.157.036	40.460.293.784
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	482.233.628	339.939.323
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	5.837.152.131	2.398.346.356
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(755.362.724)	(821.090.807)
IV. Hàng tồn kho	140	12	31.096.077.261	35.466.294.879
1. Hàng tồn kho	141		32.063.608.734	36.603.950.638
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(967.531.473)	(1.137.655.759)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.132.928.950	5.326.658.107
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	6.075.944.634	5.326.658.107
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	56.984.316	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.792.537.893	31.083.459.876
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.692.679.800	7.150.018.311
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	4.692.679.800	7.150.018.311
II. Tài sản cố định	220		20.478.494.134	21.213.949.805
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	18.909.586.733	19.383.783.900
- Nguyên giá	222		35.119.414.952	34.835.314.952
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.209.828.219)	(15.451.531.052)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	1.568.907.401	1.830.165.905
- Nguyên giá	228		2.220.697.277	2.220.697.277
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(651.789.876)	(390.531.372)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		157.158.000	157.158.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		157.158.000	157.158.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.464.205.959	2.562.333.760
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	8.464.205.959	2.562.333.760
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		119.993.340.966	143.816.621.765

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		57.465.460.006	76.922.895.348
I. Nợ ngắn hạn	310		57.465.460.006	76.922.895.348
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	40.953.084.003	46.673.314.338
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	247.663.009	216.046.481
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	77.623.342	4.152.497.598
4. Phải trả người lao động	314		11.059.992.536	23.034.381.030
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	445.000.000	412.688.529
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	2.369.301.272	1.734.526.861
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.312.795.844	699.440.511
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.527.880.960	66.893.726.417
I. Vốn chủ sở hữu	410		62.527.880.960	66.893.726.417
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	39.779.360.000	39.779.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.779.360.000	39.779.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	(227.778.500)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	19.467.200.684	16.951.868.250
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	3.281.320.276	10.390.276.667
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.281.320.276	10.390.276.667
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		119.993.340.966	143.816.621.765



Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng


Nguyễn Huy Hoàng

Người lập biểu


Nguyễn Huy Hoàng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	136.692.541.297	130.483.620.293
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		136.692.541.297	130.483.620.293
4. Giá vốn hàng bán	11	24	88.526.287.674	81.749.076.024
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		48.166.253.623	48.734.544.269
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	469.102.777	1.053.981.827
7. Chi phí tài chính	22		-	(67.500.000)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	36.815.218.294	38.224.398.685
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	7.785.793.661	6.905.633.508
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.034.344.445	4.725.993.903
11. Thu nhập khác	31	27	411.300.294	266.792.726
12. Chi phí khác	32	28	187.026.104	76.593.567
13. Lợi nhuận khác	40		224.274.190	190.199.159
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.258.618.635	4.916.193.062
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	977.298.359	1.392.966.206
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.281.320.276	3.523.226.856
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	660	709
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	660	709



Giám đốc

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Hoàng

Người lập biểu

Nguyễn Huy Hoàng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.258.618.635	4.916.193.062
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	14;15	1.019.555.671	858.017.700
- Các khoản dự phòng	03	11;12	(235.852.369)	56.305.348
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25	(419.084.595)	(981.745.463)
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		4.623.237.342	4.848.770.647
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.452.542.615	3.231.797.946
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.540.341.904	(10.262.997.181)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		(19.082.245.562)	(14.707.493.008)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.651.158.726)	616.212.071
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(2.967.018.242)	(3.778.531.709)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(464.700.000)	(1.219.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.549.000.669)	(21.271.841.234)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(284.100.000)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		2.935.831.969	4.842.189.929
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10;25	433.932.843	850.778.423
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.085.664.812	5.692.968.352
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20;21	(5.567.935.630)	(4.566.885.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.567.935.630)	(4.566.885.930)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(8.031.271.487)	(20.145.758.812)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5;6	18.733.832.710	40.375.117.370
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5;6	10.702.561.223	20.229.358.558



Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Hoàng

Người lập biểu

Nguyễn Huy Hoàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-TCNS ngày 13/09/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0103019582 ngày 14/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/08/2022 với mã số doanh nghiệp là 0102365521.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính

Phát hành sách và buôn bán ấn phẩm, đồ dùng gia đình; Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 (Bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc ngày 30/06/2022).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	1,5 – 7
Phương tiện vận tải	5
Thiết bị dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	Hết khấu hao

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 18 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông góp vốn theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - Đối với sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - Đối với sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, sách bản quyền: Áp dụng mức thuế suất 5%;
 - Đối với thiết kế, chế bản và truyền thông: Áp dụng mức thuế suất 10%. Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022, Công ty được giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với một số mặt hàng được quy định tại Nghị quyết 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền mặt	2.155.954.469	1.164.919.112
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.179.432.454	1.593.008.657
Cộng	5.335.386.923	2.757.927.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Các khoản tương đương tiền

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng	5.367.174.300	15.975.904.941
Cộng	5.367.174.300	15.975.904.941

7. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội (*)	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-
Cộng	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-

Theo quyết định số 45A/QĐ-MTTT ngày 05/03/2016 của Giám đốc Công ty về việc góp vốn tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (mã chứng khoán EPH) thì mục đích đầu tư là để sinh lời và chuyển nhượng khi có điều kiện.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	7.143.055.568	7.143.055.568	10.078.887.537	10.078.887.537
Cộng	7.143.055.568	7.143.055.568	10.078.887.537	10.078.887.537

Tại thời điểm 30/06/2022, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng. Ban Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Sách và TBTH Gia Lai	1.576.827.300	2.326.827.300
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.383.799.541	1.415.095.141
Công ty CP Sách Dân tộc	1.235.578.492	1.003.438.012
Công ty CP Phát triển Giáo dục Minh Phương	1.126.722.450	563.255.070
Các đối tượng khác	19.489.229.253	35.151.678.261
Cộng	24.812.157.036	40.460.293.784

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2022	01/01/2022
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	524.754.101	414.202.421
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	ĐVTT Công ty đầu tư	106.920.000	412.950.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	ĐVTT Công ty đầu tư	277.992.000	-
Viện nghiên cứu Sách và Học liệu Giáo dục	ĐVTT Công ty đầu tư	5.400.000	-

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam	256.563.518	256.563.518
Các đối tượng khác	225.670.110	83.375.805
Cộng	482.233.628	339.939.323

10. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
BHXH, BHYT, BHTN	11.651.709	-	10.429.260	-
Lãi dự thu	101.032.268	-	115.880.516	-
Tạm ứng	743.972.234	-	248.456.910	-
Ký cược, ký quỹ	3.936.383.031	-	1.107.504.000	-
Phải thu thuế TNCN nhân viên	595.335.424	-	466.162.890	-
Phải thu khác	448.777.465	-	449.912.780	-
Cộng	5.837.152.131	-	2.398.346.356	-

b. Dài hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	4.692.679.800	-	7.150.018.311	-
Cộng	4.692.679.800	-	7.150.018.311	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	755.362.724	821.090.807
- Từ 3 năm trở lên	559.403.132	559.403.132
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	16.743.201	40.852.883
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	179.216.392	220.834.792
Cộng	755.362.724	821.090.807

b. Nợ xấu

	30/06/2022			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Công ty CP Sách và TBTH Hà Giang	535.929.026	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Các đối tượng khác	2.280.868.556	2.061.434.858	Trên 1 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	2.816.797.582	2.061.434.858		

	01/01/2022			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Công ty CP Sách và TBTH Hà Giang	535.929.026	-	Trên 3 năm	Quá hạn thanh toán
Các đối tượng khác	841.295.843	556.134.062	Trên 1 năm	Quá hạn thanh toán
Cộng	1.377.224.869	556.134.062		

(*) Công ty đánh giá giá trị có thể thu hồi căn cứ vào nợ gốc trừ đi mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

12. Hàng tồn kho

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.926.707.105	-	6.514.501.148	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	470.366.855	-	-	-
Thành phẩm	19.835.970.808	(967.531.473)	27.061.815.654	(1.137.655.759)
Hàng hóa	2.817.973.086	-	3.027.633.836	-
Hàng gửi bán	3.012.590.880	-	-	-
Cộng	32.063.608.734	(967.531.473)	36.603.950.638	(1.137.655.759)

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2022.
- Giá trị hàng tồn kho kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2022 là 967.531.473 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Chi phí thuê, sửa chữa cửa hàng	3.061.178.211	3.309.659.010
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	226.604.361	83.603.912
Phí quản lý xuất bản	790.101.493	50.440.886
Chi phí làm sách thị trường	1.860.264.466	1.733.345.704
Các khoản khác	137.796.103	149.608.595
Cộng	6.075.944.634	5.326.658.107

b. Dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	472.849.727	64.646.465
Chi phí thuê cửa hàng, kho, xưởng,... chờ phân bổ	6.736.888.897	2.455.555.561
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	887.007.864	-
Linh kiện, phụ kiện, phần mềm	288.487.500	-
Các khoản khác	78.971.971	42.131.734
Cộng	8.464.205.959	2.562.333.760

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	18.125.999.284	9.951.473.192	5.608.922.645	1.078.628.943	70.290.888	34.835.314.952
Mua sắm trong kỳ	-	243.900.000	-	40.200.000	-	284.100.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	18.125.999.284	10.195.373.192	5.608.922.645	1.118.828.943	70.290.888	35.119.414.952
Khấu hao						
Số đầu kỳ	2.113.588.222	7.563.831.722	4.669.194.967	1.034.625.253	70.290.888	15.451.531.052
Khấu hao trong kỳ	181.259.994	359.643.854	194.368.044	23.025.275	-	758.297.167
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.294.848.216	7.923.475.576	4.863.563.011	1.057.650.528	70.290.888	16.209.828.219
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	16.012.411.062	2.387.641.470	939.727.678	44.003.690	-	19.383.783.900
Số cuối kỳ	15.831.151.068	2.271.897.616	745.359.634	61.178.415	-	18.909.586.733

- Không có TSCĐ hữu hình đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2022.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 10.862.280.744 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	2.220.697.277	2.220.697.277
Tăng trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	2.220.697.277	2.220.697.277
Khấu hao		
Số đầu kỳ	390.531.372	390.531.372
Khấu hao trong kỳ	261.258.504	261.258.504
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	651.789.876	651.789.876
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	1.830.165.905	1.830.165.905
Số cuối kỳ	1.568.907.401	1.568.907.401

- Không có TSCĐ vô hình đang cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2022.
- Không có TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Nhà xuất bản Kim Đồng	3.451.880.419	203.656.563
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	3.048.998.424	332.083.174
Công ty CP In và Truyền thông Hợp Phát	2.125.302.351	4.809.348.393
Công ty CP Việt Tinh Anh	1.866.959.266	1.229.317.493
Công ty CP In Bao bì Hà Tây	1.792.301.390	7.323.922.774
Các đối tượng khác	28.667.642.153	32.774.985.941
Cộng	40.953.084.003	46.673.314.338

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2022	01/01/2022
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư	427.307.631	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	3.048.998.424	332.083.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Hoàng Thị Huyền (Nghệ An)	78.318.000	-
Anh Duy (Bình Dương)	37.855.480	-
Các đối tượng khác	131.489.529	216.046.481
Cộng	247.663.009	216.046.481

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp/điều chỉnh trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	429.421.251	3.571.263.669	3.962.187.236	-	38.497.684
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.028.845.541	977.298.359	2.967.018.242	-	39.125.658
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.694.230.806	1.116.856.281	2.868.071.403	56.984.316	-
Các loại thuế khác	-	-	19.000.000	19.000.000	-	-
Cộng	-	4.152.497.598	5.684.418.309	9.816.276.881	56.984.316	77.623.342

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Chi phí thuê cửa hàng	445.000.000	412.688.529
Cộng	445.000.000	412.688.529

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	1.572.431.729	1.363.288.821
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	42.311.860	41.137.090
Phải trả khác	754.557.683	330.100.950
Cộng	2.369.301.272	1.734.526.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2021	30.600.000.000	(227.778.500)	20.826.139.956	12.368.860.367	63.567.221.823
Tăng trong năm	9.179.360.000	-	5.305.088.294	10.390.276.667	24.874.724.961
Giảm trong năm	-	-	9.179.360.000	12.368.860.367	21.548.220.367
Số dư tại 31/12/2021	39.779.360.000	(227.778.500)	16.951.868.250	10.390.276.667	66.893.726.417
Số dư tại 01/01/2022	39.779.360.000	(227.778.500)	16.951.868.250	10.390.276.667	66.893.726.417
Tăng trong kỳ	-	227.778.500	2.515.332.434	3.281.320.276	6.024.431.210
Giảm trong kỳ	-	-	-	10.390.276.667	10.390.276.667
Số dư tại 30/06/2022	39.779.360.000	-	19.467.200.684	3.281.320.276	62.527.880.960

(*) Công ty dùng lợi nhuận sau thuế năm 2021 để bù đắp Thặng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 ngày 19/04/2022.

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	39.779.360.000	30.600.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	39.779.360.000	30.600.000.000
Cổ tức đã chia	5.569.110.400	4.590.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.977.936	3.977.936
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu phổ thông	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu phổ thông	3.977.936	3.977.936
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	10.390.276.667	12.368.860.367
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	3.281.320.276	3.523.226.856
Phân phối lợi nhuận	10.390.276.667	12.368.860.367
- Phân phối lợi nhuận năm trước	10.390.276.667	12.368.860.367
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	2.515.332.434	5.305.088.294
+ Trích quỹ KTPL, HĐQT, BKS	2.078.055.333	2.473.772.073
+ Trả cổ tức bằng tiền	5.569.110.400	4.590.000.000
+ Bổ sung chi phí phát hành (Thặng dư vốn cổ phần)	227.778.500	-
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	3.281.320.276	3.523.226.856

Lợi nhuận sau thuế năm 2021 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 27/04/2022.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 27/04/2022 đã thông qua phương án trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 với tỷ lệ 14%/vốn điều lệ (tương ứng 5.569.110.400 đồng). Theo đó, Công ty đã chi trả toàn bộ số cổ tức trên trong 6 tháng đầu năm 2022.

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	30/06/2022	01/01/2022
Hàng hóa nhận ký gửi	45.136.446.253	32.687.526.874

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Doanh thu bán sách và các ấn phẩm khác	134.758.749.122	125.563.152.348
Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	1.896.729.836	3.715.936.259
Doanh thu khác	37.062.339	1.204.531.686
Cộng	136.692.541.297	130.483.620.293

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Giá vốn sách và các ấn phẩm khác	87.115.696.110	78.526.204.637
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	1.543.653.511	2.160.099.719
Giá vốn khác	37.062.339	1.062.771.668
Dự phòng/ (Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	(170.124.286)	-
Cộng	88.526.287.674	81.749.076.024

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	344.084.595	906.745.463
Cổ tức, lợi nhuận được chia	75.000.000	75.000.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	50.018.182	72.236.364
Cộng	469.102.777	1.053.981.827

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí công cụ, dụng cụ	982.595.514	865.220.222
Chi phí nhân công	13.037.045.905	14.931.369.103
Chi phí khấu hao tài sản cố định	146.807.780	146.964.822
Chi phí thuê nhà, cửa hàng	12.117.704.900	11.701.911.934
Các khoản khác	10.531.064.195	10.578.932.604
Cộng	36.815.218.294	38.224.398.685

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí công cụ, dụng cụ	45.436.447	60.733.392
Chi phí nhân công	2.934.424.858	3.295.940.382
Chi phí khấu hao tài sản cố định	706.886.544	549.550.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.427.276.118	2.243.533.945
Các khoản khác	737.497.777	632.070.307
(Hoàn nhập)/Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(65.728.083)	123.805.348
Cộng	7.785.793.661	6.905.633.508

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Nhận tiền thưởng, hỗ trợ của nhà cung cấp	110.522.004	220.815.059
Thu nhập khác	300.778.290	45.977.667
Cộng	411.300.294	266.792.726

28. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Phạt thuế, vi phạm hành chính	47.606.415	66.835.887
Các khoản khác	139.419.689	9.757.680
Cộng	187.026.104	76.593.567

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.258.618.635	4.916.193.062
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	306.831.815	1.655.979.424
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	381.831.815	1.730.979.424
- Điều chỉnh giảm (cổ tức lợi nhuận được chia)	75.000.000	75.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	4.565.450.450	6.572.172.486
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	977.298.359	1.392.966.206
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	913.090.090	1.314.434.497
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	64.208.269	78.531.709

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.281.320.276	3.523.226.856
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(656.264.055)	(704.645.371)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ KTPL, HDQT, BKS)	656.264.055	704.645.371
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.625.056.221	2.818.581.485
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.977.936	3.977.936
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	660	709

“Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2022” đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.453.356.437	8.873.228.994
Chi phí nhân công	19.361.260.329	22.049.626.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.019.555.671	858.017.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.673.425.100	31.984.798.910
Chi phí khác bằng tiền	2.763.146.436	3.197.857.020
Cộng	57.270.743.973	66.963.529.554

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là phát hành sách và buôn bán ấn bản phẩm và một bộ phận địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Ngoài ra, chi phí in ấn cũng chiếm phần lớn trong giá vốn thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với mức phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau và bán hàng thu tiền ngay tại các cửa hàng bán lẻ. Các khách hàng khác của Công ty là các Công ty sách lớn, Vụ mầm non và Sở Giáo dục. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác, các khoản nợ sắp đến hạn thanh toán thường xuyên được Công ty đôn đốc thu hồi.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	40.953.084.003	-	40.953.084.003
Chi phí phải trả	445.000.000	-	445.000.000
Phải trả khác	796.869.543	-	796.869.543
Cộng	42.194.953.546	-	42.194.953.546
01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	46.673.314.338	-	46.673.314.338
Chi phí phải trả	412.688.529	-	412.688.529
Phải trả khác	371.238.040	-	371.238.040
Cộng	47.457.240.907	-	47.457.240.907

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban Giám đốc cho rằng Công ty kiểm soát được rủi ro thanh khoản và có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.702.561.223	-	10.702.561.223
Đầu tư tài chính	750.000.000	-	750.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.143.055.568	-	7.143.055.568
Phải thu khách hàng	24.056.794.312	-	24.056.794.312
Phải thu khác	4.486.192.764	4.692.679.800	9.178.872.564
Cộng	47.138.603.867	4.692.679.800	51.831.283.667

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.733.832.710	-	18.733.832.710
Đầu tư tài chính	750.000.000	-	750.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.078.887.537	-	10.078.887.537
Phải thu khách hàng	39.639.202.977	-	39.639.202.977
Phải thu khác	1.673.297.296	7.150.018.311	8.823.315.607
Cộng	70.875.220.520	7.150.018.311	78.025.238.831

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan có giao dịch trọng yếu trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	ĐVTT Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	ĐVTT Công ty đầu tư
Viện Nghiên cứu Sách và Học Liệu Giáo dục	ĐVTT Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Chung Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Mối quan hệ		6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Bán tem, sách	191.876.000	81.944.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Bán tem, sách	592.569.630	1.556.760.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán tem, sách	99.000.000	99.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP HCM	Bán tem, sách	257.400.000	237.600.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Bán tem, sách	39.600.000	39.600.000
Viện Nghiên cứu Sách và Học Liệu Giáo dục	Bán tem, sách	5.000.000	7.500.000
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phí QLXB, khác	946.685.186	2.602.961.818
	Mua tem mẫu	39.600.000	415.800.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Mua sách các loại	2.816.915.250	1.770.244.930
Khác			
Công ty CP DVXB Giáo dục Hà Nội	Nhận cổ tức bằng tiền	75.000.000	75.000.000

c. Thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

			6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Ông Lê Hoàng Hải	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	228.000.000	228.000.000
	điều hành DN	Lương, thưởng	406.980.000	515.520.000
Ông Đinh Gia Lê	Phó Chủ tịch HĐQT	Thù lao	114.000.000	114.000.000
Ông Phạm Văn Thắng	Ủy viên HĐQT	Thù lao	114.000.000	114.000.000
	Giám đốc	Lương, thưởng	525.443.514	585.896.191
Bà Mai Nhị Hà	Ủy viên HĐQT	Thù lao	114.000.000	114.000.000
Bà Nguyễn Bích La	Ủy viên HĐQT	Thù lao	114.000.000	114.000.000
	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	387.589.374	452.040.678
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	340.774.144	391.620.665
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	59.456.200	-
Ông Nguyễn Phong Yên	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	319.418.952	414.361.670
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Trưởng Ban Kiểm soát	Thù lao	57.000.000	57.000.000
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên BKS	Thù lao	36.500.000	28.500.000
		Lương, thưởng	198.177.400	225.891.863
Ông Nguyễn Văn Quyết	Thành viên BKS	Thù lao	36.500.000	28.500.000
		Lương, thưởng	156.306.048	186.889.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021. Các Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Giám đốc

Phạm Văn Thắng

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Hoàng

Người lập biểu

Nguyễn Huy Hoàng

“NG” “H” “H”

Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Lô 78-80, Đường 30/4,
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel : +(84-236) 3655 886
Fax: +(84-236) 3655 887
Email: aac@dnng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 4, Toà nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +(84-28) 3910 2235
Fax: +(84-28) 3910 2349
Email: aac.hcm@aac.vnn.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6, tòa nhà Việt Á
Số 09 Duy Tân, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +(84-24) 3224 2403
Fax: +(84-24) 3224 2402
Email: aac.hn@aac.com.vn

Thành viên

